

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY TIỀN

Số:/...../HD

*Hôm nay, ngày tháng năm, Tại Chúng tôi gồm có:
(Nếu vay Ngân hàng và hợp tác xã tín dụng, thì có thêm yếu tố xét đơn xin của đương sự).*

BÊN CHO VAY (BÊN A):

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:.....Tài khoản số:.....

Do Ông (Bà): Sinh năm:

Chức vụ: làm đại diện.

BÊN VAY (BÊN B):

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:.....Tài khoản số:.....

Tài khoản tiền gửi VNĐ số: tại Ngân hàng:

Tài khoản tiền gửi ngoại tệ số: tại Ngân hàng:

Do Ông (Bà): Sinh năm:

Chức vụ: làm đại diện.

Sau khi thỏa thuận cùng nhau ký hợp đồng vay tiền với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền:

- Bằng số:

- Bằng chữ:

Điều 2: Thời hạn và phương thức vay

2.1. Thời hạn vay là tháng

- Kể từ ngày thángnăm

- Đến ngày tháng năm

2.2. Phương thức vay (có thể chọn các phương thức sau):

- Chuyển khoản qua tài khoản:

- Mở tại ngân hàng:

- Cho vay bằng tiền mặt.

Chuyển giao thành đợt

- Đợt 1:

- Đợt 2:

Điều 3: Lãi suất ⁽¹⁾

3.1 Bên B đồng ý vay số tiền trên với lãi suất % một tháng tính từ ngày nhận tiền vay.

3.2 Tiền lãi được trả hàng tháng đúng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay, lãi trả chậm bị phạt % tháng.

3.3 Trước khi hợp đồng này đáo hạn ngày; nếu bên B muốn tiếp tục gia hạn phải được sự thỏa thuận trước tại địa điểm

3.4 Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực không thay đổi mức lãi suất cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

3.5 Khi nợ đáo hạn, bên B không trả đủ vốn và lãi cho bên A, tổng số vốn và lãi còn thiếu sẽ chuyển sang nợ quá hạn, và chịu lãi suất tính theo nợ quá hạn là % một tháng.

3.6 Thời hạn thanh toán nợ quá không quá ngày nếu không có sự thỏa thuận nào khác của hai bên.

Điều 4: Nghĩa vụ của bên A

4.1 Giao tiền cho bên B đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận;

4.2 Bồi thường thiệt hại cho bên B, nếu bên A biết tài sản không bảo đảm chất lượng mà không báo cho bên B biết, trừ trường hợp bên B biết mà vẫn nhận tài sản đó;

4.3 Không được yêu cầu bên B trả lại tài sản trước thời hạn, trừ trường hợp quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005.

Điều 5: Nghĩa vụ của bên B

- 5.1 Bên B phải trả đủ tiền khi đến hạn;
- 5.2 Địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên B;
- 5.3 Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên B không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên B phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thoả thuận.
- 5.4 Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên B không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên B phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Điều 6: Sử dụng tiền vay

Các bên có thể thoả thuận về việc tiền vay phải được sử dụng đúng mục đích vay; bên A có quyền kiểm tra việc sử dụng tiền vay và có quyền đòi lại tiền vay trước thời hạn, nếu đã nhắc nhở mà bên B vẫn sử dụng tiền vay trái mục đích.

Điều 7: Biện pháp bảo đảm hợp đồng

7.1 Bên B đồng ý thế chấp (hoặc cầm cố) tài sản thuộc sở hữu của mình làvà giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản cho bên A giữ (có thể nhờ người khác có tài sản đưa giấy tờ sở hữu đến bảo lãnh cho bên B vay). Việc đưa tài sản ra bảo đảm đã được hai bên lập biên bản đính kèm sau khi có xác nhận của phòng Công chứng Nhà nước tỉnh (thành)

7.2 Khi đáo hạn, bên B đã thanh toán tất cả vốn và lãi cho bên A, thì bên này sẽ làm các thủ tục giải tỏa thế chấp (hoặc cầm cố, bảo lãnh) và trao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản đã đưa ra bảo đảm cho bên B.

7.3 Bên B thoả thuận rằng, nếu không trả đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng này sau ngày thì bên A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đưa ra bảo đảm để thu hồi khoản nợ quá hạn từ bên B.

Điều 8: Trách nhiệm chi trả những phí tổn có liên quan đến hợp đồng

Những chi phí có liên quan đến việc vay nợ như: tiền lưu kho tài sản bảo đảm, phí bảo hiểm, lệ phí tố tụng, v.v... bên B có trách nhiệm thanh toán.

Điều 9: Những cam kết chung

9.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng này, nếu những nội dung khác đã quy định trong pháp luật Nhà nước không ghi trong hợp đồng này, hai bên cần tôn trọng chấp hành.

9.2 Nếu có tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng.

9.3 Nếu tự giải quyết không thỏa mãn, hai bên sẽ chuyển vụ việc tới Tòa án nơi bên vay đặt trụ sở ⁽²⁾.

Điều 10: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày tháng năm đến ngày ... tháng ... năm

Hợp đồng này được lập thành bản. Mỗi bên giữ bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mức lãi suất cho vay không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 476 Luật dân sự;

(2) Nếu bên vay là cá nhân thì là nơi bên vay cư trú.